

Số: 25/2025/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 17 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 21/2022/NQ-HĐND; số 20/2023/NQ-HĐND; số 30/2023/NQ-HĐND; số 21/2024/NQ-HĐND; số 29/2024/NQ-HĐND

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 302/TTr-UBND

ngày 11 tháng 9 năm 2025 ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 21/2022/NQ-HĐND; số 20/2023/NQ-HĐND; số 30/2023/NQ-HĐND; số 21/2024/NQ-HĐND; số 29/2024/NQ-HĐND; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 21/2022/NQ-HĐND; số 20/2023/NQ-HĐND; số 30/2023/NQ-HĐND; số 21/2024/NQ-HĐND; số 29/2024/NQ-HĐND.

Điều 1. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2, như sau:

“1. Đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi tỉnh Lạng Sơn. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo trên phạm vi tỉnh Lạng Sơn. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 2, như sau:

“a) Các hộ nghèo, cận nghèo; trong đó ưu tiên hộ người dân tộc thiểu số, hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động, hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị.”

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 2, như sau:

“4. Các đối tượng được hỗ trợ khi tham gia dự án, kế hoạch liên kết hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đáp ứng quy định tại Điều 2 Quy định một số nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 8 của Quy định một số nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5, như sau:

“c) Bước 3: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết:

- Trường hợp cấp tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để trình thẩm định. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành theo ủy quyền; các thành viên là đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan, đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

- Trường hợp cấp xã phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường để trình Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định. Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định gồm: đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện lãnh đạo Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Phòng Văn hóa - Xã hội và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện hỗ trợ dự án quy định tại Điều 3 Quy định này; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang

thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi để xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 5, như sau:

“d) Bước 4: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết:

- Trường hợp cấp tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Nếu dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành được ủy quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Trường hợp cấp xã phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết: căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết. Nếu dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Về nội dung thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện theo quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, của đơn vị chủ trì liên kết, tham gia của bên liên kết, tín dụng ưu đãi (nếu có), lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi để xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 8, như sau:

“c) Bước 3: Thẩm định dự án, phương án.

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ gửi cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét.

Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên là đại diện lãnh đạo các phòng: Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Phòng Văn hóa - Xã hội và các phòng, ban liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này; sự cần thiết thực hiện dự án sản xuất, dịch vụ; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có)."

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 8, như sau:

"d) Bước 4: Phê duyệt dự án, phương án.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, trong thời hạn 02 ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất. Nếu dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng vốn; giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có)".

Điều 3. Sửa đổi khoản 2, khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 12, khoản 15, khoản 16, khoản 17 Điều 2 của Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng

12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 2, như sau:

“c) Chi hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, tỉnh. Hỗ trợ một lần kinh phí để xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, tỉnh, nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/(01) sản phẩm/(01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án.”

2. Sửa đổi điểm b khoản 7 Điều 2, như sau:

“b) Mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư của dự án đối với dự án ngoài ngân sách/điểm du lịch; hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư của dự án đối với dự án do cơ quan nhà nước thực hiện/điểm du lịch. Các dự án phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Chủ tịch Ủy ban nhân cấp xã hoặc Giám đốc các sở, ngành), nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án/điểm du lịch.”

3. Sửa đổi tiêu đề khoản 8 và điểm a khoản 8 Điều 2, như sau:

“8. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn xã; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh quy định tại khoản 2 Điều 103 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

a) Nội dung chi: hỗ trợ tổ chức thực hiện Đề án/Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”

4. Sửa đổi điểm a khoản 10 Điều 2, như sau:

“a) Nội dung chi: chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”

5. Sửa đổi điểm b khoản 12 Điều 2, như sau:

“b) Mức hỗ trợ:

- Chi hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có đề án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được phê duyệt. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/đề án quy mô cấp xã.

- Chi tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các

quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối không quá 100 triệu đồng/dự án, kế hoạch, phương án, mô hình.

- Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa không quá 70% đối với mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình, mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước (vùng hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng, miền núi). Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng.

- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình chợ an toàn thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình đối với các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp xã đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm. Mô hình chợ an toàn thực phẩm phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nội dung và mức chi xây dựng và quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.”

6. Sửa đổi điểm a khoản 15 Điều 2, như sau:

“a) Nội dung chi:

- Chi thành lập mô hình mạng lưới hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp: tổ chức Hội nghị công bố thành lập và ra mắt mô hình. Nội dung và mức chi theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi thuê chuyên gia trong nước cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác và các cá nhân khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Mức chi theo khoản 6 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

- Chi tổ chức các hoạt động tập huấn, hội nghị, tọa đàm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề nâng cao kiến thức cho phụ nữ lãnh đạo, quản lý, thành viên ban lãnh đạo các doanh nghiệp/Hợp tác xã/ Tổ hợp tác và cá nhân khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập. Mức chi theo khoản 1, khoản 6 và khoản 9 Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

- Chi duy trì hoạt động sinh hoạt của mạng lưới: một năm 4 kỳ theo Quý. Nội dung và mức chi theo định mức tổ chức hội nghị tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chi cho phí thiết kế, quản lý, duy trì fanpage "Hỗ trợ phụ nữ Lạng Sơn khởi nghiệp"; phí bản quyền sử dụng dịch vụ Zoom meeting. Mức chi theo thực tế, không vượt quá 10 triệu đồng/năm.

- Chi cho hoạt động tổng kết, rút kinh nghiệm và khen thưởng. Nội dung và mức chi theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh”.

7. Sửa đổi điểm a khoản 16 Điều 2, như sau:

“a) Nội dung chi:

- Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia mô hình. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Chi hỗ trợ triển khai mô hình: mua sắm trang thiết bị, vật tư, giống cây, giống hoa, biển tên mô hình, biển hộ gia đình... theo thực tế của từng loại mô hình.

- Chi hỗ trợ hộ hội viên nghèo xây nhà vệ sinh, nhà tắm: 2,0 triệu đồng/hộ/công trình.

- Chi tuyên truyền, vận động, giáo dục cha mẹ, tổ chức sinh hoạt định kỳ theo khoản 2 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC.

- Chi cho hoạt động tổng kết, rút kinh nghiệm. Nội dung và mức chi theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh”.

8. Sửa đổi điểm a, điểm c khoản 17 Điều 2, như sau:

“a) Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, mô hình: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính và Điều 1 Thông tư số 65/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tài chính.

c) Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh”.

Điều 4. Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5, khoản 3, khoản 4 Điều 6 của Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 3, như sau:

“d) Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc dính chính sai sót giấy chứng nhận đã cấp so với hồ sơ đăng ký; đăng ký biến động đất đai do sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố, do thay đổi Chứng minh nhân dân thành thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước, thông tin thửa đất bị sai sót trong quá trình đo đạc - biên tập thành lập bản đồ địa chính.”

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 3, như sau:

“3. Đơn vị thực hiện thu phí

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thu phí thẩm định hồ sơ đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b) Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thu phí thẩm định hồ sơ đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 28 Luật Đất đai.

c) Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động cho tổ chức, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

d) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.”

3. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 3, như sau:

“4. Mức thu:

a) Đối với thực hiện dịch vụ công trực tiếp

STT	Nội dung	Mức thu (Đồng/hồ sơ)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
I.	Đối với hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài; cộng đồng dân cư, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam			
1	Trường hợp giao đất, cho thuê đất			
1.1	Sử dụng đất vào mục đích kinh doanh	1.000.000	1.000.000	1.000.000
1.2	Sử dụng đất không nhằm mục đích sản xuất kinh doanh	200.000	200.000	200.000
2	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu			
2.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	210.000	210.000	270.000
2.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	168.000	168.000	220.000
3	Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận			
3.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	220.000	220.000	290.000
3.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	176.000	176.000	230.000
4	Đăng ký biến động đất đai			

STT	Nội dung	Mức thu (Đồng/hồ sơ)		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản
4.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	180.000	180.000	260.000
4.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	140.000	140.000	210.000
II.	Đối với tổ chức, tổ chức nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam			
1	Trường hợp giao đất, cho thuê đất			
1.1	Sử dụng đất vào mục đích kinh doanh	5.000.000	5.000.000	5.000.000
1.2	Sử dụng đất không nhằm mục đích sản xuất kinh doanh	2.000.000	2.000.000	2.000.000
2	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu	830.000	830.000	1.080.000
3	Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận	460.000	460.000	600.000
4	Đăng ký biến động đất đai	800.000	800.000	1.040.000

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 4, như sau:

“3. Đơn vị thực hiện thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực.”

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 5, như sau:

“3. Cơ quan tổ chức thực hiện thu: Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các khu vực.”

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 6, như sau:

“3. Cơ quan tổ chức thực hiện thu

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

b) Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu cho tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được miễn toàn bộ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 28 Luật Đất đai.

c) Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động cho tổ chức, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

d) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các khu vực thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, xác nhận thay đổi đối với trường hợp đăng ký biến động cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.”

7. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 6, như sau:

“4. Mức thu:

a) Đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tiếp.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
A	Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất hoặc chỉ có tài sản gắn liền với đất		
1.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/giấy	30.000
1.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/giấy	25.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
2.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/giấy	100.000
2.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/giấy	80.000
II	Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận); cấp đổi, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp		
1	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất hoặc chỉ có tài sản gắn liền với đất		
1.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	30.000
1.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	25.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
2.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	50.000
2.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	40.000
B	Đối với tổ chức, tổ chức nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		
I	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1	Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất hoặc chỉ có tài sản gắn liền với đất		
1.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	100.000
1.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	80.000
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
2.1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	500.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
2.2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	400.000
II	Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận); cấp đổi, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp		
1	Các phường thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	60.000
2	Các xã thuộc tỉnh Lạng Sơn	Đồng/lần cấp	50.000
C	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính		
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	Đồng/bản	15.000
2	Đối với tổ chức	Đồng/bản	30.000

Điều 5. Sửa đổi khoản 2 Điều 2, Điều 4 của Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 2, như sau:

“2. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, hỗ trợ xác định trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu thống kê đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.”

2. Sửa đổi Điều 4, như sau:

“Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã như sau:

1. Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 45% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần;

b) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Phân bổ cho ngân sách cấp xã 55% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ 30% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thuộc cấp xã quản lý;

b) 25% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

- Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan

nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;
- Mua bán quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.”

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ bốn mươi thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Đài PTTH Lạng Sơn, Cổng TTĐT tỉnh,
- Công báo tỉnh;
- Liên thông phần mềm HĐND;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu